

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu

1. Giới thiệu về dự án, gói thầu:

- Tên dự án: Đầu tư tăng cường năng lực ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng chuyển đổi số và công tác quản lý, khám chữa bệnh tại Bệnh viện Quân y 354.

- Tên gói thầu: Gói 4: Tư vấn lập Thiết kế chi tiết và dự toán.

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Quân y 354.

- Địa điểm đầu tư: Bệnh viện Quân y 354.

- Nguồn vốn: NSNN chi đầu tư phát triển (theo Quyết định số 5079/QĐ-BQP ngày 10/10/2025 của Bộ Quốc phòng).

- Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng, theo phương thức: 1 giai đoạn, 2 túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày (*không bao gồm thời gian thẩm tra, thẩm định, chờ phê duyệt theo quy định*).

- Phạm vi: Tư vấn lập thiết kế chi tiết và dự toán dự án “Đầu tư tăng cường năng lực ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng chuyển đổi số và công tác quản lý, khám chữa bệnh tại Bệnh viện Quân y 354”.

- Mục tiêu đầu tư:

+ Mục tiêu chung: Ứng dụng Công nghệ thông tin, xây dựng bệnh án điện tử, không sử dụng bệnh án giấy hướng tới mô hình bệnh viện thông minh, tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Y tế. Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng đáp ứng xây dựng bệnh án điện tử, hệ thống quản lý bệnh viện, hệ thống quản trị điều hành bệnh viện, các hệ thống tích hợp dịch vụ và chia sẻ dữ liệu dùng chung hướng tới các dịch vụ tiện ích để người dân được tiếp cận gần hơn dịch vụ y tế hiện đại.

+ Mục tiêu cụ thể:

• Đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT tại bệnh viện đáp ứng mức 7 theo Thông tư 54/2017/TT-BYT, và an toàn thông tin cấp độ 3 để đáp ứng yêu cầu triển khai, vận hành ứng dụng y tế điện tử tại bệnh viện bao gồm: Hệ thống mạng trong, ngoài; Hệ thống Wifi; Hệ thống máy chủ; Hệ thống lưu trữ SAN/NAS; Hệ thống bảo mật và ATTT; Phần mềm thương mại; Hệ thống chữ ký số; Kiosk tương tác, Xe tích hợp máy tính chăm sóc tại giường... để đáp ứng mức nâng cao đối với nhóm tiêu chí hạ tầng CNTT tại Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế.

- Đầu tư mua sắm phần mềm: Phần mềm quản lý bệnh viện HIS, đạt mức 7; Bệnh án điện tử (EMR), đạt mức nâng cao, Hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS), đạt mức nâng cao; Nâng cấp phần mềm quản lý xét nghiệm (LIS), đạt mức nâng cao; Kho dữ liệu dùng chung (lưu trữ, quản lý và phân tích dữ liệu phục vụ Quản trị điều hành bệnh viện) tại Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế.

- Lắp đặt, cài đặt, cấu hình và đào tạo, chuyển giao đưa hệ thống vào vận hành sử dụng.

- Quy mô đầu tư

- + Đầu tư hạng mục hạ tầng CNTT: Thiết bị, hạ tầng CNTT, phần mềm thương mại

- + Đầu tư các phần mềm ứng dụng:

STT	DANH MỤC	ĐVT	SL
1	Hệ thống Quản lý Thông tin Bệnh viện (HIS) Mức 7 tích hợp bệnh án điện tử (EMR) - Mức nâng cao	HT	1
2	Hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh PACS mức nâng cao	HT	1
3	Phần mềm quản lý xét nghiệm (LIS) mức nâng cao	HT	1
4	Nền tảng Ứng dụng Di động thông minh	HT	1
5	Kho dữ liệu dùng chung và trực tích hợp dữ liệu	HT	1
6	Hệ thống Hỗ trợ Quyết định Quản lý điều hành bệnh viện & Giao ban hành chính điện tử	HT	1

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Tuyển chọn được nhà thầu tư vấn trong nước đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện công việc tư vấn lập thiết kế chi tiết và dự toán cho dự án “Đầu tư tăng cường năng lực ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng chuyển đổi số và công tác quản lý, khám chữa bệnh tại Bệnh viện Quân y 354” đúng theo yêu cầu của gói thầu và các quy định của pháp luật hiện hành.

II. Phạm vi công việc

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án/dự toán mua sắm, thời gian thực hiện:

1.1. Phạm vi công việc:

Nhà thầu thực hiện tư vấn lập thiết kế chi tiết và dự toán dự án “Đầu tư tăng cường năng lực ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng chuyển đổi số và công tác

quản lý, khám chữa bệnh tại Bệnh viện Quân y 354” đúng theo yêu cầu của gói thầu và các quy định của pháp luật hiện hành.

1.2. Nguồn vốn: NSNN chi đầu tư phát triển (theo Quyết định số 5079/QĐ-BQP ngày 10/10/2025 của Bộ Quốc phòng)

1.3. Tên cơ quan thực hiện dự án: Bệnh viện Quân y 354

1.4. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025-2026.

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn:

2.1. Yêu cầu chung:

Trên cơ sở Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án được phê duyệt, Nhà thầu Tư vấn phải tuân thủ các nội dung theo các quy định tại Điều 14 và Điều 16 Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26/1/2026 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Đơn vị tư vấn phải thực hiện các công việc sau:

- Nghiên cứu, thực hiện khảo sát bổ sung (nếu cần thiết) tuân thủ các quy định tại Điều 20 Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26/1/2026.

- Dự thảo Hồ sơ thiết kế chi tiết theo Điều 14, Điều 20 Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26/1/2026

- Dự thảo Dự toán theo Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26/1/2026

- Báo cáo nội dung Hồ sơ thiết kế chi tiết, dự toán với Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan về nội dung thiết kế dự án

- Chỉnh sửa, thống nhất các nội dung Hồ sơ thiết kế chi tiết, dự toán

- In ấn Hồ sơ phục vụ thẩm tra, thẩm định Hồ sơ thiết kế chi tiết, dự toán

- Phối hợp cùng với chủ đầu tư bảo vệ nội dung Thiết kế chi tiết và Dự toán trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu

- Hoàn thiện Hồ sơ thiết kế chi tiết và dự toán và bàn giao cho Chủ đầu tư

- Phối hợp với Chủ đầu tư hoàn tất các thủ tục nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

2.2. Yêu cầu về nội dung Hồ sơ thiết kế chi tiết và dự toán

2.2.1. Yêu cầu về nội dung của Hồ sơ thiết kế chi tiết

Nội dung của Hồ sơ thiết kế chi tiết quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26/1/2026, bao gồm:

a) Phần thuyết minh:

Mô tả các yêu cầu của dự án; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng; phân tích sự tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này;

Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị, trong đó có phân tích, lựa chọn phương án bảo đảm tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan; yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6 hoặc giải pháp nâng cấp hệ thống bảo đảm sẵn sàng với IPv6 nếu có các nội dung liên quan hoạt động trên môi trường Internet; phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị bảo đảm an toàn, an ninh mạng;

Thuyết minh mô hình tổng thể, mô hình lô-gic, mô hình vật lý của hệ thống hoặc các thành phần của hệ thống (nếu có), đưa ra các hạng mục đầu tư của dự án theo phương án đã chọn bảo đảm thể hiện được các kết nối bên trong, bên ngoài, đường truyền (nếu có) của hệ thống và tính toán (sizing) thông số kỹ thuật, số lượng thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại;

b) Đối với lắp đặt mạng, thiết bị phần cứng và các phụ kiện, cài đặt phần mềm thương mại, hiệu chỉnh vật tư, thiết bị: Các chỉ tiêu kỹ thuật áp dụng trong triển khai lắp đặt, cài đặt, kiểm tra và hiệu chỉnh thiết bị, phần mềm; danh mục thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại và các thông số kỹ thuật của thiết bị, phần mềm; thống kê khối lượng công tác lắp đặt, cài đặt, thiết bị, phần mềm của các hạng mục đầu tư chính và phụ; chỉ dẫn biện pháp triển khai (đối với trường hợp triển khai phức tạp); biện pháp an toàn vận hành, phòng, chống cháy, nổ (nếu có);

c) Phần sơ đồ: Các tài liệu về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện khác; sơ đồ mặt bằng hiện trạng; sơ đồ và thuyết minh chi tiết giải pháp thiết kế mạng, đường truyền, hạ tầng kỹ thuật, an toàn, an ninh mạng, cấp điện, chống sét, hệ thống làm mát, tính toán băng thông đường truyền; sơ đồ và thuyết minh quy hoạch địa chỉ mạng IP; sơ đồ lắp đặt thiết bị: vị trí, khoảng cách, cao độ lắp đặt (nếu có); các vị trí đấu nối; thống kê vật liệu, vật tư phục vụ lắp đặt, cài đặt thiết bị; sơ đồ lắp đặt mạng: đi dây, lắp đặt máng cáp bảo vệ, chống sét lan truyền, sử dụng vật tư, vật liệu trong lắp đặt mạng, liên kết giữa các phân hệ mạng với nhau và kết nối ra hệ thống bên ngoài với các kích thước và vật liệu chủ yếu; đối với mạng lắp đặt theo tuyến (nếu có): thể hiện phương án tuyến, góc đổi hướng tuyến, cao độ và tọa độ lắp đặt, sự giao cắt chính trên tuyến, hành lang bảo vệ tuyến với các kích thước và vật liệu chủ yếu;

d) Đối với phần mềm nội bộ: Mô tả yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng của phần mềm nội bộ theo quy định tại Điều 15 của Nghị định này; phân tích và mô tả chức năng của phần mềm; yêu cầu về mức độ chịu đựng sai hỏng đối với các lỗi cú pháp lập trình, lỗi lô-gic trong xử lý dữ liệu, lỗi kiểm soát tính đúng đắn của dữ liệu đầu vào; yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình; các yêu cầu phi chức năng khác;

đ) Yêu cầu chi tiết về việc đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng, quản trị, vận hành; triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao (nếu có); yêu cầu, điều kiện (nếu có) về bảo hành và duy trì, vận hành, bảo trì;

e) Phương án bảo đảm an toàn, an ninh mạng của dự án.

2.2.2. Yêu cầu về nội dung của dự toán

Nội dung của dự toán quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26/1/2026, bao gồm: Chi phí trang thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư, chi phí khác và chi phí dự phòng, cụ thể như sau:

a) Chi phí trang thiết bị:

Chi phí mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: Thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ và thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm (theo yêu cầu của nhà sản xuất), phần mềm nội bộ và các thiết bị khác; chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị; thuế và các loại phí liên quan;

Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hoá, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu;

Chi phí lắp đặt thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm;

Chi phí mua sắm, lắp đặt mạng, phụ kiện mạng công nghệ thông tin và các chi phí khác phục vụ cho lắp đặt mạng;

Chi phí đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có);

Chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án (nếu có).

b) Chi phí quản lý dự án: Gồm các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao, đưa sản phẩm của dự án vào khai thác sử dụng, quyết toán và chi phí giám sát, đánh giá đầu tư dự án;

c) Chi phí tư vấn đầu tư: Chi phí khảo sát (nếu thực hiện khảo sát); lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật; điều tra, nghiên cứu phục vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tuyển chọn giải pháp; thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật; lập, điều chỉnh thiết kế chi tiết, hồ sơ thiết kế chi tiết; thẩm tra thiết kế chi tiết, hồ sơ thiết kế chi tiết; lập, thẩm định các nội dung trong quá trình lựa chọn nhà thầu; kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị; đánh giá chất lượng sản phẩm; quy đổi vốn đầu tư; giám sát công tác triển khai; thực hiện các công việc tư vấn khác;

d) Chi phí khác: Phí và lệ phí; bảo hiểm (trừ chi phí bảo hiểm thiết bị quy định tại điểm a khoản này); kiểm thử; vận hành thử; kiểm toán; thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; lắp đặt và thuê đường truyền; chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin để phục vụ các hoạt động trong quá trình triển khai đầu tư dự án; chi phí thẩm định giá và các chi phí khác;

đ) Chi phí dự phòng: Chi phí dự phòng trượt giá trong thời gian thực hiện dự án, chi phí dự phòng phát sinh khối lượng và chi phí dự phòng cho các khoản tạm tính (nếu có).

2.3. Yêu cầu về công tác giám sát tác giả

Thực hiện công tác giám sát tác giả trong suốt quá trình triển khai dự án và tham gia nghiệm thu sản phẩm của dự án.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV:

Thực hiện bắt đầu từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi kết thúc các gói thầu thi công đưa vào sử dụng của dự án.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện

STT	Sản phẩm giao nộp	Thời gian giao nộp
1	Nhiệm vụ khảo sát bổ sung (trong trường hợp cần thiết)	Trong vòng 3 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Báo cáo kết quả khảo sát bổ sung (trong trường hợp cần thiết)	Trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhiệm vụ khảo sát bổ sung được phê duyệt
3	Hồ sơ Thiết kế chi tiết và dự toán (bản phục vụ thẩm định)	Trong vòng 40 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4	Hồ sơ Thiết kế chi tiết và dự toán (bản sau thẩm định)	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định
5	Hồ sơ giám sát tác giả	Theo tiến độ thực hiện dự án và tối đa 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành dự án đưa vào sử dụng

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu

Đáp ứng theo yêu cầu về Nhân sự chủ chốt thuộc Mục 2 Chương III của E-HSMT.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư

- Chủ đầu tư sẽ tạo điều kiện thuận lợi để nhà thầu tư vấn thực thi nhiệm vụ, tham khảo hồ sơ các thông tin cần thiết và các tài liệu khác liên quan đến dự án và gói thầu khi nhà thầu tư vấn yêu cầu để thực hiện các dịch vụ tư vấn.
- Chủ đầu tư sẽ cử cán bộ phối hợp với nhà thầu tư vấn trong quá trình thực hiện dịch vụ.
- Chủ đầu tư sẽ có trách nhiệm cung cấp những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ tư vấn, kể cả tài liệu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu tư vấn thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Thanh toán cho Nhà thầu theo quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.